

BÁO CÁO

**Công khai theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo
dục và Đào tạo năm học 2025 - 2026**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: THPT Chuyên Cao Bằng

2. Địa chỉ:

- Tổ Hoà Chung 1 – Phường Tân giang - tỉnh Cao Bằng

- Cổng thông tin điện tử: <https://thptchuyencaobang.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng

Xây dựng và phát triển Trường THPT Chuyên Cao Bằng thành cơ sở giáo dục chất lượng cao, có trang thiết bị dạy học đồng bộ, hiện đại nhằm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ giáo dục, bồi dưỡng những học sinh giỏi học sinh có tư chất thông minh đạt kết quả xuất sắc trong học tập để bồi dưỡng thành những tài năng trẻ có lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, có phẩm chất đạo đức tốt và ý thức tự lực, có kiến thức vững vàng; giỏi về văn hóa theo năng khiếu cá nhân; có phương pháp tự học, tự nghiên cứu và sáng tạo, có sức khỏe tốt để tạo nguồn tiếp tục đào tạo các em trở thành nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương và đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Xây dựng và phát triển Trường THPT Chuyên thành nhà trường có mô hình mẫu của các trường trung học phổ thông trong tỉnh về cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo và tổ chức hoạt động giáo dục.

4.2. Tầm nhìn

Xây dựng và phát triển trường THPT Chuyên theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa để trở thành cơ sở giáo dục chất lượng cao, có uy tín về chất lượng giáo dục; là hình mẫu về giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế hội nhập, phát triển của đất nước và thời đại.

4.3. Mục tiêu

Xây dựng và phát triển Trường THPT Chuyên Cao Bằng thành cơ sở giáo dục chất lượng cao, có trang thiết bị dạy học đồng bộ, hiện đại nhằm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ giáo dục, bồi dưỡng những học sinh giỏi học sinh có tư chất thông minh đạt kết quả xuất sắc trong học tập để bồi dưỡng thành những tài năng trẻ có lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, có phẩm chất đạo đức tốt và ý thức tự lực, có kiến thức vững vàng; giỏi về văn hóa theo năng khiếu cá nhân; có phương pháp tự học, tự nghiên cứu và sáng tạo, có sức khỏe tốt để tạo nguồn tiếp tục đào tạo các em trở thành nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương và

đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Xây dựng và phát triển Trường THPT Chuyên thành nhà trường có mô hình mẫu của các trường trung học phổ thông trong tỉnh về cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo và tổ chức hoạt động giáo dục.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THPT Chuyên Cao Bằng - tiền thân là lớp Toán đặc biệt được thành lập năm 1966 với sứ mệnh ươm mầm nhân tài cho quê hương và đất nước. Đến tháng 12 năm 2001, trường chính thức mang tên THPT Chuyên Cao Bằng. Từ 9 lớp học ban đầu với 290 học sinh và 21 giáo viên, đến nay, ngôi trường đã vươn lên với quy mô 20 lớp, 793 học sinh ở 7 môn chuyên (Toán, Lý, Hóa, Sinh, Văn, Sử và 2 lớp chuyên Anh). Nhờ sự quan tâm đầu tư của các cấp lãnh đạo và ngành giáo dục, cơ sở vật chất của trường ngày càng khang trang, hiện đại, đáp ứng tốt nhất nhu cầu dạy và học.

6. Thông tin người đại diện pháp luật gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...

- Họ và tên: Hà Tiên Sỹ
- Chức vụ: Bí thư đảng bộ - Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 4 - Phường Hoà Chung – Thành phố Cao Bằng
- Số điện thoại: 0915.828.489
- Email: sythcb@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Các quyết định về nhà trường

STT	Số văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu
1	Số 1530/QĐ-NĐ-UB	30/9/1999	UBND Tỉnh Cao Bằng	Quyết định về việc thu hồi đất đai, phê duyệt mặt bằng địa giới và giao đất xây dựng công trình: Trường THPT năng khiếu tỉnh Cao Bằng
2	Số 2378/QĐ-SGD&ĐT	09/12/2024	Sở GD&ĐT Cao Bằng	Quyết định thành lập Hội đồng trường, chủ tịch Hội đồng trường
3	Số 83/QĐ-SGD&ĐT	22/3/2021	Sở GD&ĐT Cao Bằng	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng trường THPT Chuyên đối với ông Hà Tiên Sỹ
4	Số 86/QĐ-SGD&ĐT	06/2/2023	Sở GD&ĐT Cao Bằng	Quyết định bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THPT Chuyên đối với ông Nông Văn Truyền
5	Số 426/QĐ-THPT	21/10/2024	Trường THPT Chuyên	Quyết định về việc ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động của trường THPT

				Chuyên
6	Số 373/KH-THPT Chuyên	31/10/2023	Trường THPT Chuyên	Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2023 – 2028, tầm nhìn đến năm 2030
7	Số 164/QĐ- SGD&ĐT	11/2/2026	Sở GD&ĐT Cao Bằng	Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường THPT Chuyên đối với bà Trần Thị Thu Huệ

7.2. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy:

Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: Thực hiện giảng dạy, giáo dục theo chương trình GDPT 2018.

Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường: Theo Luật Giáo dục năm 2019, Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT) và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT chuyên (ban hành kèm Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT): Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trung học phổ thông và chương trình giáo dục dành cho trường trung học phổ thông chuyên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bảo đảm chất lượng giáo dục, đáp ứng mục tiêu và yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với định hướng phát triển giáo dục của tỉnh và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, bảo đảm thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học phổ thông và chương trình giáo dục dành cho trường trung học phổ thông chuyên. Tổ chức phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phát triển phẩm chất, năng lực và chuẩn bị nguồn học sinh giỏi tham gia các kỳ thi, cuộc thi trong nước và quốc tế. Thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai sử dụng sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực hiện quyền tự chủ trong xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục, bồi dưỡng học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định. Thực hiện công tác tự đánh giá, kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục; quản lý đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, tài chính và các nguồn lực được giao theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính và các nguồn lực của nhà trường theo quy định của pháp luật. Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài

tính để tổ chức các hoạt động giáo dục, bồi dưỡng học sinh năng khiếu, nghiên cứu khoa học, hướng nghiệp và trải nghiệm. Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động vì cộng đồng và các hoạt động hợp tác giáo dục theo quy định. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương, sáng tạo; phát huy bản sắc văn hóa nhà trường và góp phần xây dựng môi trường văn hóa, giáo dục của địa phương. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản tài trợ, viện trợ, hỗ trợ hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Giáo dục, Điều lệ trường trung học và Quy chế tổ chức, hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên.

Cơ cấu tổ chức của trường: được thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên ban hành kèm theo Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cơ cấu tổ chức của Trường THPT Chuyên Cao Bằng gồm: Hội đồng trường; Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Hội đồng Kỷ luật; các Hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng và các lớp học sinh.

Sơ đồ tổ chức bộ máy:

- + 01 Hội đồng trường với 15 thành viên
- + 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng
- + 06 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: 03 chi bộ với 54 đảng viên
- + Tổ chức Đoàn thanh niên: 01 chi đoàn giáo viên, 24 chi đoàn học sinh

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên : 67 gồm cán bộ quản lý: 03 ; giáo viên : 54 ; nhân viên 10

T T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			T S	Th S	Đ H	C Đ	T C	Dur ới TC	Hạng g III	Hạng g II	Hạng g I	Xuất t sắc	Kh á	T B	Ké m
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	67	0	41	15	1	3	4	31	22	1				
I	Giáo viên	54	0	39	15				32	21	0				

T T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			T S	Th S	Đ H	C Đ	T C	Dư ới TC	Hạng g III	Hạng g II	Hạng g I	Xuất t sắc	Kh á	T B	Ké m
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	8		7	1										
2	Vật lí	4		4	0										
3	Hóa học	6		5	1										
4	Sinh học	5		4	1										
5	Tin học	2		2	0										
6	Ngữ văn	8		7	1										
7	Lịch sử	3		2	1										
8	Địa lí	3		2	1										
9	Tiếng Anh	8		6	2										
10	Công nghệ	1		0	1										
11	Thể dục, GDQP&A N	4		0	4										
12	Tiếng Pháp	0		0	0										
13	GDKTPL	2		0	2										
II	Cán bộ quản lý	3		3						2	1				
1	Hiệu trưởng	1		1											
2	Phó hiệu trưởng	2		2											
II	Nhân viên	10	0	0	3	0	3	4							
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1					1				\				
5	Nhân viên thư viện, TB	1			1										
6	Kỹ thuật viên	0													
7	Bảo vệ	2						2							

T T	Nội dung	Tổng g số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			T S	Th S	Đ H	C Đ	T C	Dư ới TC	Hạng g III	Hạng g II	Hạng g I	Xuất t sắc	Kh á	T B	Ké m
8	Tập vụ	4					2	2							
	Tổng	67	0	42	18	0	3	4	32	23	1	0	0	0	0

2. Thực trạng vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức:

- Vị trí việc làm:
- + Lãnh đạo, quản lý: Số lượng: 03 biên chế;
- + Viên chức chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: Số lượng: 54 biên chế;
- + Viên chức chuyên môn dùng chung: Số lượng: 04 biên chế;
- + Nhóm hỗ trợ, phục vụ: Số lượng: 6 hợp đồng

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định hoàn thành bồi dưỡng chương trình GDPT 2018.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất, diện tích đất, thiết bị dạy học

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	24	2.54m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	24	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	10	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1	
8	Bình quân học sinh/lớp	35	
III	Số điểm trường	0	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	8819m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5073 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	61 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	113 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	161 m ²	

4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	2755 m ²	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thông(m ²)	165,209 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	144	18
2	Khối lớp 11	144	18
3	Khối lớp 12	144	18
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	77	Số học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi màn hình hiển thị	13	
2	Ti vi	08	
3	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	24	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	1 (80 m ²)
XI	Nhà ăn	1 (200 m ²)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	26p x 40 m ²	104	10 m ²

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		14		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh.

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	

XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

STT	Danh mục	Số lượng (quyển)	Ghi chú
1	Sách tham khảo, sách pháp luật	2805	
2	Sách giáo khoa	1882	
3	Sách giáo viên	487	
4	Báo, tạp chí các loại	3 đầu báo (Báo Cao Bằng, tạp chí non nước Cao Bằng, báo nhân dân)	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá các tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1			X	
Tiêu chí 1.1			X	
Tiêu chí 1.2			X	
Tiêu chí 1.3			X	
Tiêu chí 1.4			X	
Tiêu chí 1.5			X	
Tiêu chí 1.6			X	
Tiêu chí 1.7			X	
Tiêu chí 1.8			X	
Tiêu chí 1.9			X	
Tiêu chí 1.10			X	
Tiêu chuẩn 2			X	
Tiêu chí 2.1			X	
Tiêu chí 2.2			X	
Tiêu chí 2.3			X	
Tiêu chí 2.4			X	
Tiêu chuẩn 3			X	
Tiêu chí 3.1			X	
Tiêu chí 3.2		X		
Tiêu chí 3.3			X	
Tiêu chí 3.4			X	
Tiêu chí 3.5			X	
Tiêu chí 3.6			X	
Tiêu chuẩn 4			X	
Tiêu chí 4.1			X	

Tiêu chí 4.2			x	
Tiêu chuẩn 5			x	
Tiêu chí 5.1			x	
Tiêu chí 5.2			x	
Tiêu chí 5.3			x	
Tiêu chí 5.4			x	
Tiêu chí 5.5			x	
Tiêu chí 5.6			x	

Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt:

- Số lượng tiêu chí đạt không đạt: 0
- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 1/28 (3,6%)
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 27/28 (96,4%)
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 0
- Số lượng tiêu chí không đạt mức 3: 0

Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 1

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh năm học 2025-2026

- Chỉ tiêu giao: 08 lớp với 280 học sinh.
- Kết quả thực hiện: 08 lớp với 280 học sinh, đạt 100% kế hoạch giao.

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	762	280	272	210
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	761 (99,9%)	280	272	209
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	1 (0,1%)	0	0	1
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập				
1	Tốt (tỷ lệ so với Tổng số)	580 (76,12)	179	211	190
2	Khá (tỷ lệ so với Tổng số)	181 (23,75)	101	61	19
3	Đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	1 (0,13%)	0	0	1
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với Tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	762 (100%)	280	272	210
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với Tổng số)	82 (10,8%)	14	26	42

b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với Tổng số)	498(65,4%)	165	185	148
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	0,00%	0,00%
4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	0	1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/ thành phố	148			
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	23			
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	210	0	0	210
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	210	0	0	210
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	-	-	-	-
VIII	Số học sinh nữ	439	147	165	127
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	675	250	241	184

Số lượng học sinh tốt nghiệp THPT năm học 2025 -2026:
210/210(100%)

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không có.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2025

1. Tổng số kinh phí ngân sách cấp năm 2025

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 30.143.276.042 đồng
- Dự toán giao đầu năm: 30.143.276.042 đồng
- Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm: 1.145.231.000 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm: 31.288.504.042 đồng
- Kinh phí giảm trong năm: 303.546.958 đồng

2. Tổng số kinh phí ngân sách chi năm 2025

- Tổng số tiền chi quyết toán năm 2025: 30.422.970.042 đồng, bao gồm:

- Kinh phí chi thường xuyên (13): 18.413.426.000 đồng, trong đó:
- + Chi lương, phụ cấp: 16.715.866.000 đồng
- + Chi lương cho HĐ 111: 507.560.000 đồng
- + Kinh phí chi hoạt động thường xuyên: 1.242.000.000 đồng
- Kinh phí chi không thường xuyên (12): 12.009.544.042 đồng
- Kinh phí khen thưởng theo NĐ 73 (18): 713.700.000 đồng

3. Công khai mức thu học phí và các khoản thu khác năm học 2025 – 2026

- Mức thu học phí năm học 2025 – 2026: Không thu học phí học sinh
- Mức thu bảo hiểm y tế năm học 2025 – 2026:
- + Khối 10,11: thu 12 tháng: 379.080 đồng
- + Khối 12: Thu 9 tháng: 284.310 đồng
- Mức thu bảo vệ năm học 2025 – 2026 (tự nguyện): 100.000 đồng/học sinh.

Trên đây là báo cáo thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo của trường THPT Chuyên Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các tổ CM, tổ VP;
- Đoàn trường;
- Đăng Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hà Tiến Sỹ